

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI GREEN VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI GREEN VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN VINA TRADING-CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GREEN VINA TRACO CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108088137

3. Ngày thành lập: 08/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 ngõ 193/192/26 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: greenvina17@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
3.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
4.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
5.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
6.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
7.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
8.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
9.	Sản xuất máy luyện kim	2823
10.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
11.	Đúc sắt, thép	2431
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
15.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
16.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim Bán buôn sắt, thép	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
23.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
25.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
26.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
27.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
28.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
29.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
30.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
31.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
32.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
33.	Xây dựng nhà các loại	4100
34.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
35.	Xây dựng công trình công ích	4220
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
45.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
46.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
47.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
48.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

49.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
50.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
51.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
52.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý;	4669
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
56.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
57.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
61.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
62.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
63.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
64.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
65.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
66.	Lập trình máy vi tính	6201
67.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
68.	Sản xuất xe có động cơ	2910
69.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
70.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
71.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
72.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
73.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
74.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá)	4511

75.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
76.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá)	4513
77.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
78.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đầu giá)	4530
79.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm đầu giá)	4541
80.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
81.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm đầu giá)	4543
82.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
83.	Bán buôn gạo	4631
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ uống	4633
86.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
87.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
88.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
89.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
90.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
91.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

92.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
94.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm đấu giá)	4791
95.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
96.	Dịch vụ đóng gói	8292
97.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
98.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
99.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
100.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
101.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
102.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
103.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
104.	Cho thuê xe có động cơ	7710
105.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
106.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
107.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
108.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
109.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
110.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
111.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
112.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
113.	In ấn	1811
114.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
115.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
116.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
117.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820

118.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
119.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
120.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
121.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
122.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
123.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
124.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
125.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
126.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
127.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
128.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Hoạt động vận chuyển đồ đạc gia đình thiết bị văn phòng....;	4933

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ PHƯƠNG NGA	Xóm Tây, Xã Hưng Đạo, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	2.400.000.000	80,000	145098325	
2	ĐẶNG DUY NAM	Cụm II, Thị trấn Gia Lộc, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	600.000.000	20,000	142198418	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG DUY NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/11/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 142198418

Ngày cấp: 14/08/2009

Nơi cấp: Công an Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm II, Thị trấn Gia Lộc, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 8 ngõ 193/192/26 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội